

Số:/.../TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO LẦN 4

THÔNG TƯ

Ban hành 31 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư ban hành 31 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này ba mươi một (31) chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có số hiệu và tên gọi như sau:

1. Chuẩn mực số 200 - Mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên độc lập và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
2. Chuẩn mực số 210 - Hợp đồng kiểm toán.
3. Chuẩn mực số 220 - Quản lý chất lượng cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.
4. Chuẩn mực số 230 - Tài liệu, hồ sơ kiểm toán.
5. Chuẩn mực số 240 - Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.
6. Chuẩn mực số 250 - Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán báo cáo tài chính.
7. Chuẩn mực số 260 - Trao đổi các vấn đề với Ban quản trị đơn vị được kiểm toán.
8. Chuẩn mực số 265 - Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ với Ban quản trị và Ban giám đốc đơn vị được kiểm toán.
9. Chuẩn mực số 300 - Lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính.
10. Chuẩn mực số 315 - Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu.
11. Chuẩn mực số 320 - Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán.
12. Chuẩn mực số 330 - Biện pháp xử lý của kiểm toán viên đối với rủi ro đã đánh giá.
13. Chuẩn mực số 402 - Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài.
14. Chuẩn mực số 450 - Đánh giá các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán.
15. Chuẩn mực số 500 - Bằng chứng kiểm toán.
16. Chuẩn mực số 510 - Kiểm toán năm đầu tiên - Số dư đầu kỳ.
17. Chuẩn mực số 540 - Kiểm toán các ước tính kế toán và các thuyết minh liên quan.
18. Chuẩn mực số 550 - Các bên liên quan.
19. Chuẩn mực số 560 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.
20. Chuẩn mực số 570 - Hoạt động liên tục.
21. Chuẩn mực số 580 - Giải trình bằng văn bản.
22. Chuẩn mực số 610 - Sử dụng công việc của kiểm toán viên nội bộ.

23. Chuẩn mực số 700 - Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.

24. Chuẩn mực số 701 - Trình bày các vấn đề kiểm toán quan trọng của cuộc kiểm toán trong báo cáo kiểm toán độc lập.

25. Chuẩn mực số 705 - Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.

26. Chuẩn mực số 706 - Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.

27. Chuẩn mực số 710 - Thông tin so sánh - Dữ liệu tương ứng và báo cáo tài chính so sánh.

28. Chuẩn mực số 720 - Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với thông tin khác trong tài liệu có báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

29. Chuẩn mực số 800 - Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt.

30. Chuẩn mực số 805 - Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của một báo cáo tài chính.

31. Chuẩn mực số 810 - Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên đăng ký hành nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2027.

2. Đối với các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính và các công việc kiểm toán khác được thực hiện trước ngày 01/01/2027 mà đến ngày 01/01/2027 trở đi mới phát hành báo cáo kiểm toán thì phải áp dụng 31 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành theo Thông tư này.

3. Các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2027, trừ các chuẩn mực sau: Chuẩn mực kiểm toán số 501 “*Bằng chứng kiểm toán đối với các khoản mục và sự kiện đặc biệt*”, Chuẩn mực kiểm toán số 505 “*Thông tin xác nhận từ bên ngoài*”, Chuẩn mực kiểm toán số 520 “*Thủ tục phân tích*”, Chuẩn mực kiểm toán số 530 “*Lấy mẫu kiểm toán*”, Chuẩn mực kiểm toán số 600 “*Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn (kể cả công việc của kiểm toán viên đơn vị thành viên)*”, Chuẩn mực kiểm toán số 620 “*Sử dụng công việc của chuyên gia*”.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam chịu trách nhiệm phổ biến, triển khai và hướng dẫn thực hiện 31 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành tại Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, kiểm toán viên đăng ký hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Các doanh nghiệp kiểm toán;
- Lưu: VT, QLKT (300b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hồ Sỹ Hùng